



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
18-06-2021 15:32:17 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 168 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 18 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về tọa độ các hệ thống đường ống dẫn khí dưới biển.



VTU & CMU - 38 - 2021

Vùng biển: ngoài khơi vùng biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Đơn đề nghị số 934/KVN-ATMT ngày 04/6/2021 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam) về việc công bố thông báo hàng hải Tọa độ các hệ thống đường ống dẫn khí dưới biển và theo đề nghị của trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo tọa độ các hệ thống đường ống dẫn khí dưới biển, chi tiết như sau:

1. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ BẠCH HỔ - KỶ VÂN

TT	ĐIỂM	HỆ TỌA ĐỘ WGS - 84		HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	Km 0+055	09°45'22,357"	107°58'59,645"	09°45'26,050"	107°58'53,250"	Mỏ Bạch Hồ
2	Km 10+000	09°48'49,998"	107°54'49,367"	09°48'53,690"	107°54'42,970"	
3	Km 100+000	10°20'14,098"	107°17'06,022"	10°20'17,777"	107°16'59,607"	
4	Điểm uốn TP-1	10°21'26,160"	107°15'39,067"	10°21'29,839"	107°15'32,651"	
5	Điểm uốn IP-1	10°21'30,762"	107°15'33,523"	10°21'34,441"	107°15'27,107"	
6	Điểm uốn TP-2	10°21'37,012"	107°15'29,987"	10°21'40,691"	107°15'23,571"	
7	Km 106+515	10°22'51,702"	107°14'47,752"	10°22'55,381"	107°14'41,336"	Mũi Kỳ Vân - Long Hải

2. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ TÊ GIÁC TRẮNG - BẠCH HỔ

TT	ĐIỂM	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	SP (KP0,0)	09°58'18,609"	107°58'47,119"	09°58'22,302"	107°58'40,720"	
2	CP	09°54'40,454"	107°58'12,863"	9°54'44,147"	107°58'06,465"	
3	TP1	09°48'23,767"	107°57'13,773"	09°48'27,459"	107°57'07,377"	
4	IP1	09°48'18,691"	107°57'12,978"	09°48'22,383"	107°57'06,582"	

5	TP2	09°48'13,569"	107°57'13,388"	09°48'17,261"	107°57'06,992"	
6	TP3	09°47'10,198"	107°57'18,492"	09°47'13,890"	107°57'12,096"	
7	IP2	09°46'38,990"	107°57'21,007"	09°46'42,682"	107°57'14,611"	
8	TP4	09°46'18,864"	107°57'45,184"	09°46'22,556"	107°57'12,004"	
9	CP1	09°46'35,995"	107°57'29,927"	09°46'39,687"	107°57'23,531"	
10	CP2	09°46'02,751"	107°58'04,537"	09°46'06,444"	107°57'58,142"	
11	EP (KP 25,390)	09°45'20,659"	107°58'55,094"	09°45'24,352"	107°58'48,699"	
12	Điểm đầu nối vào Bạch Hồ	09°45'20,681"	107°58'55,494"	09°45'24,374"	107°58'49,099"	

3. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ SƯ TỬ VÀNG - RẠNG ĐÔNG

TT	Điểm	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	TP1	10°22'48,236"	108°21'35,391"	10°22'51,937"	108°21'28,988"	
2	TP2	10°21'44,444"	108°21'21,019"	10°21'48,145"	108°21'14,617"	
3	TP3	10°09'59,200"	108°18'41,331"	10°10'02,900"	108°18'34,932"	
4	TP4	10°00'02,037"	108°16'07,543"	10°00'05,736"	108°16'01,147"	

4. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ RẠNG ĐÔNG - BẠCH HỒ

TT	Vị trí – Tên điểm	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	0,000 (TP1)	09°59'44,701"	108°16'21,002"	09°59'48,400"	108°16'14,606"	
2	5,008 (TP2)	09°58'25,066"	108°13'57,610"	09°58'28,764"	108°13'51,214"	
3	10,001 (TP3)	09°57'03,972"	108°11'35,594"	09°57'07,669"	108°11'29,198"	
4	15,008 (TP4)	09°55'42,725"	108°09'13,199"	09°55'46,421"	108°09'06,803"	
5	20,005 (TP5)	09°54'21,455"	108°06'51,138"	09°54'25,151"	108°06'44,742"	
6	25,007 (TP6)	09°53'0,275"	108°04'28,862"	09°53'03,970"	108°04'22,466"	
7	30,004 (TP7)	09°51'39,047"	108°02'06,843"	09°51'42,741"	108°02'00,447"	
8	31,003 (TP8)	09°51'22,842"	108°01'38,391"	09°51'26,536"	108°01'31,995"	
9	32,001 (TP9)	09°51'06,615"	108°01'10,040"	09°51'10,309"	108°01'03,644"	
10	33,005 (TP10)	09°50'50,331"	108°00'41,487"	09°50'54,025"	108°00'35,091"	
11	34,001 (TP11)	09°50'33,626"	108°00'13,451"	09°50'37,319"	108°00'07,055"	
12	35,010 (TP12)	09°50'12,343"	107°59'48,242"	09°50'16,036"	107°59'41,846"	
13	36,007 (TP13)	09°49'46,753"	107°59'28,038"	09°49'50,446"	107°59'21,642"	
14	37,008 (TP14)	09°49'17,637"	107°59'13,352"	09°49'21,330"	107°59'06,956"	
15	38,020 (TP15)	09°48'46,774"	107°59'01,759"	09°48'50,467"	107°58'55,363"	
16	39,009 (TP16)	09°48'16,618"	107°58'50'456"	09°48'20,311"	107°58'44,060"	

17	40,012(TP17)	09°47'45,970"	107°58'39,101"	09°47'49,663"	107°58'32,705"	
18	41,004(TP18)	09°47'15,734"	107°58'27,732"	09°47'19,427"	107°58'21,336"	
19	42,001(TP19)	09°46'45,261"	107°58'16,304"	09°46'48,954"	107°58'09,908"	
20	43,006(TP20)	09°46'12,801"	107°58'12,394"	09°46'16,494"	107°58'05,999"	
21	44,008(TP21)	09°45'42,612"	107°58'24,489"	09°45'46,305"	107°58'18,094"	
22	45,000(TP22)	09°45'20,595"	107°58'48,565"	09°45'24,288"	107°58'42,170"	
23	45,835(TP23)	09°45'09,547"	107°59'13,841"	09°45'13,240"	107°59'07,446"	

5. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ NAM CÔN SƠN

TT	HỆ TỌA ĐỘ WGS - 84		HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	07°34'44,48"	108°52'15,65"	07°34'48,18"	108°52'09,28"	Giàn Lan Tây
2	07°53'44,02"	108°42'56,62"	07°53'47,71"	108°42'50,24"	
3	08°10'29,89"	108°33'05,84"	08°10'33,59"	108°32'59,48"	KP-75
4	08°27'04,15"	108°20'13,18"	08°27'07,84"	108°20'06,79"	
5	08°42'54,42"	108°11'08,43"	08°42'58,11"	108°11'02,03"	
6	08°51'16,98"	108°09'01,09"	08°51'20,67"	108°08'54,69"	
7	09°31'28,35"	107°45'11,40"	09°31'32,04"	107°45'04,98"	
8	09°38'37,13"	107°44'06,07"	09°38'40,82"	107°43'59,65"	
9	09°56'04,06"	107°34'30,94"	09°56'07,74"	107°34'24,51"	
10	10°02'23,42"	107°26'45,38"	10°02'27,10"	107°26'38,95"	
11	10°15'19,26"	107°19'00,44"	10°15'22,94"	107°18'54,00"	
12	10°19'42,33"	107°15'50,42"	10°19'46,01"	107°15'43,98"	
13	10°22'52,42"	107°14'46,36"	10°22'56,10"	107°14'39,92"	Long Hải

6. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ NAM CÔN SƠN 2

TT	VỊ TRÍ	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	STAR POINT AT THIÊN ỨNG (BK-TNG)	08°33'40,6"	108°46'40,8"	08°33'44,304"	108°46'34,437"	
2	BC1	08°33'12,9"	108°44'59,2"	08°33'16,603"	108°44'52,837"	
3	IP1	08°32'58,6"	108°46'06,9"	08°33'02,304"	108°46'00,537"	
4	CE1	08°32'41,0"	108°43'33,2"	08°32'44,703"	108°43'26,837"	
5	WYE TIE-IN (HAI THACH)	08°33'58,4"	108°43'19,5"	08°34'02,103"	108°43'13,136"	
6	WYE TIE-IN (FUTURE)	08°35'10,8"	108°42'22,2"	08°35'14,503"	108°42'15,836"	

7	BC2	08°45'55,1"	108°33'51,1"	08°45'58,801"	108°33'44,731"	
8	IP2	08°46'13,0"	108°33'36,8"	08°46'16,701"	108°33'30,431"	
9	EC2	08°46'34,1"	108°33'28,1"	08°46'37,801"	108°33'21,730"	
10	BC3	08°53'28,0"	108°30'37,4"	08°53'31,701"	108°30'31,028"	
11	IP3	08°53'37,9"	108°30'33,3"	08°53'41,601"	108°30'26,928"	
12	EC3	08°53'47,1"	108°30'28,0"	08°53'50,801"	108°30'21,628"	
13	BC4	09°31'30,9"	108°08'39,8"	09°31'34,596"	108°08'33,411"	
14	IP4	09°32'01,6"	108°08'22,0"	09°32'05,296"	108°08'15,611"	
15	EC4	09°32'22,2"	108°07'52,9"	09°32'25,895"	108°07'46,511"	
16	Plem tie-in point (End point)	09°37'43,9"	108°00'18,1"	09°37'47,593"	108°00'11,708"	
17	Điểm bắt đầu và lắp đặt cụm van ngâm số 1	09°37'45,776"	108°00'15,486"	09°37'49,469"	108°00'09,094"	
18	TP-7-1	09°40'16,042"	107°56'42,914"	09°40'19,734"	107°56'36,520"	
19	IP-7	09°40'24,536"	107°56'30,893"	09°40'28,228"	107°56'24,499"	
20	TP-7-2	09°40'32,874"	107°56'19,083"	09°40'36,566"	107°56'12,689"	
21	Tie-In	09°44'56,041"	107°52'04,244"	09°44'59,732"	107°51'57,848"	
22	TP-8-1	10°20'39,879"	107°16'50,942"	10°20'43,558"	107°16'44,527"	
23	IP-8	10°20'48,844"	107°16'40,717"	10°20'52,523"	107°16'34,302"	
24	TP-8-2	10°20'56,513"	107°16'29,087"	10°21'00,192"	107°16'22,672"	
25	TP-9-1	10°20'57,758"	107°16'26,863"	10°21'01,437"	107°16'20,448"	
26	IP-9	10°21'24,897"	107°15'45,112"	10°21'28,576"	107°15'38,696"	
27	TP-9-2	10°21'56,783"	107°15'22,106"	10°22'00,462"	107°15'15,690"	
28	Điểm tiếp bờ tại Long Hải	10°22'52,379"	107°14'48,680"	10°22'56,058"	107°14'42,264"	

7. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ TỪ GIÀN THIÊN ƯNG TỚI GIÀN SAO VÀNG

TT	ĐIỂM	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	Điểm đầu	08°33'36,491"	108°46'39,90"	08°33'40,19"	108°46'33,542"	Gần giàn Thiên Ưng
2	Điểm cong 1	08°28'01,929"	108°44'31,69"	08°28'05,63"	108°44'25,337"	
3	Điểm cong 2	08°26'59,378"	108°44'14,60"	08°27'03,08"	108°44'08,245"	
4	Điểm cong 3	08°26'00,245"	108°43'48,73"	08°26'03,94"	108°43'42,374"	
5	Điểm cong 4	08°25'16,253"	108°43'21,80"	08°25'19,95"	108°43'15,447"	
6	Điểm cong 5	08°23'29,271"	108°42'43,11"	08°23'32,97"	108°42'36,750"	
7	Điểm cuối	08°22'13,522"	108°42'16,37"	08°22'17,22"	108°42'10,016"	Gần giàn Sao Vàng

8. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ TỪ GIÀN SAO VÀNG ĐẾN NAM CÔN SƠN 2

TT	ĐIỂM	HỆ TỌA ĐỘ WGS-84		HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		Ghi chú
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	Điểm đầu	08°22'17,714"	108°42'10,664"	08°22'21,416"	108°42'04,304"	Gần giàn Sao Vàng
2	Điểm cong 1	08°25'21,051"	108°43'19,540"	08°25'24,753"	108°43'13,179"	
3	Điểm cong 2	08°26'15,489"	108°43'53,332"	08°26'19,191"	108°43'46,970"	
4	Điểm cong 3	08°27'15,222"	108°44'16,378"	08°27'18,925"	108°44'10,017"	
5	Điểm cong 4	08°28'04,101"	108°44'28,954"	08°28'07,804"	108°44'22,592"	
6	Điểm cong 5	08°29'48,281"	108°45'08,707"	08°29'51,984"	108°45'02,345"	
7	Điểm cuối	08°33'35,942"	108°46'37,244"	08°33'39,646"	108°46'30,882"	Gần giàn Thiên Ứng

9. TỌA ĐỘ ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ PM3-CÀ MAU

TT	Hệ tọa độ WGS-84		Hệ tọa độ VN-2000		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
1	09°14'22,0"	104°49'08,8"	09°14'26,7"	104°49'02,4"	(Mũi Tràm)
2	09°13'41,1"	104°47'15,9"	09°13'45,8"	104°47'09,5"	
3	09°12'21,2"	104°43'28,9"	09°12'25,9"	104°43'22,5"	
4	09°06'50,4"	104°27'15,5"	09°06'54,1"	104°27'09,1"	
5	09°02'13,6"	104°15'14,6"	09°02'17,3"	104°15'08,2"	
6	09°01'08,9"	104°14'57,5"	09°01'12,6"	104°14'51,1"	
7	09°00'35,6"	104°14'55,2"	09°00'39,3"	104°14'49,8"	
8	08°59'14,0"	104°14'53,1"	08°59'18,7"	104°14'47,7"	
9	08°57'13,4"	104°14'50,8"	08°57'17,1"	104°14'44,4"	
10	08°55'08,8"	104°14'46,1"	08°55'12,5"	104°14'40,7"	
11	08°52'18,1"	104°14'40,4"	08°52'22,8"	104°14'34,0"	
12	08°47'25,0"	104°14'30,3"	08°47'29,7"	104°14'24,9"	
13	08°29'27,1"	104°13'42,0"	08°29'31,8"	104°13'36,6"	
14	08°20'47,0"	104°13'06,8"	08°20'51,7"	104°13'00,4"	
15	08°14'53,9"	104°13'31,0"	08°14'57,6"	104°13'25,6"	
16	08°07'10,6"	104°13'22,9"	08°07'14,3"	104°13'16,5"	
17	08°00'04,2"	104°13'11,1"	08°00'08,9"	104°13'05,7"	
18	07°51'19,9"	104°12'55,6"	07°51'23,6"	104°12'49,2"	
19	07°44'09,0"	104°12'34,4"	07°44'13,7"	104°12'28,0"	
20	07°41'05,9"	104°13'04,3"	07°41'09,6"	104°12'58,9"	

21	07°39'12,1''	104°13'05,0''	07°39'16,8''	104°12'59,6''	
22	07°29'10,9''	104°12'36,8''	07°29'14,6''	104°12'30,4''	
23	07°05'25,6''	104°11'32,0''	07°05'29,3''	104°11'26,6''	
24	07°00'01,2''	104°12'37,9''	07°00'05,9''	104°12'31,5''	
25	06°58'37,9''	104°12'07,5''	06°58'41,6''	104°12'01,1''	

(Tọa độ do Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP cung cấp)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

- Trong khoảng cách 02 hải lý từ tâm đường ống dẫn khí ra mỗi bên là hành lang an toàn đường ống dẫn khí, tất cả các phương tiện tàu, thuyền không được thả neo.

- Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm xâm nhập hoặc tiến hành các hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào (đánh cá, nổ mìn, thả neo...) trong vùng an toàn của đường ống dẫn khí.

- Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (SĐT: 02836.116.116)⁽¹⁾

- Các Thông báo hàng hải số 241/TBHH-TCTBĐATHHVN ngày 15/12/2017 và số 47/TBHH-TCTBĐATHHVN ngày 08/02/2021 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Cà Mau;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng Cty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Lộc}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- ИЗДАТЕЛЬСТВО